TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2023/QĐST-DS	*Giồng Trôm, ngày 13 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 03/02/2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 21/2023/TLST-DS, ngày 13/01/2023 về việc "*Tranh chấp hụi*",

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: chị Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1982

Địa chỉ: số 222, tổ 17, ấp 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre

- **Bị đơn**: bà Lê Thị P, sinh năm 1962

Địa chỉ: tổ 18, ấp 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Lê Thị P có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Bé N số tiền hụi là 31.400.000 (ba mươi mốt triệu bốn trăm nghìn) đồng. Thời gian trả và cách thức trả được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự.

Ghi nhận việc chị N không yêu cầu chồng bà P là ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên đới cùng bà P trả nợ và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành được giảm 50% là 785.000 (bảy trăm tám mươi lăm nghìn) đồng, nguyên đơn và bị đơn mỗi người chịu ½, cụ thể:

Chị Nguyễn Thị Bé N phải chịu 392.500 đồng (ba trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 785.000 (bảy trăm tám mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000074 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện G hoàn lại cho chị N số tiền 392.500 đồng (ba trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Bà Lê Thị P lẽ ra phải chịu 392.500 đồng (ba trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí sơ thẩm, nhưng do bà P là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Nguyễn Yến Phương